

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ THEO QUY ĐỊNH CỦA LUẬT THƯƠNG MẠI HIỆN HÀNH

1. Những quy định về hợp đồng dịch vụ trong Luật Thương Mại Việt Nam năm 2005.

Vấn đề về cung ứng dịch vụ được quy định trong Luật thương mại năm 2005 đã phần nào khẳng định được việc xác lập và thực hiện các quan hệ thương mại trong các hoạt động này còn xác định rõ về quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia hợp đồng cung ứng dịch vụ.

Xét về bản chất pháp lý hợp đồng dịch vụ được quy định trong Luật thương mại năm 2005 có ý nghĩa rất quan trọng trong lý luận cũng như trong thực tiễn áp dụng. Tuy nhiên, Luật thương mại năm 2005 chưa quy định rõ thế nào là hợp đồng dịch vụ mà khái niệm này đã được quy định tại Điều 513, Bộ luật Dân sự năm 2015 “Hợp đồng dịch vụ là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cung ứng dịch vụ thực hiện công việc cho bên sử dụng dịch vụ, bên sử dụng dịch vụ phải trả tiền dịch vụ cho bên cung ứng dịch vụ”. Như vậy, hợp đồng dịch vụ có đối tượng là một công việc cụ thể, có thể thực hiện được, không bị pháp luật cấm và không trái với đạo đức xã hội.

Bên cạnh đó, Luật Thương mại năm 2005 quy định về cung ứng dịch vụ là hoạt động thương mại, theo đó bên cung ứng dịch vụ có nghĩa vụ thực hiện dịch vụ cho một bên khác và nhận thanh toán; bên sử dụng dịch vụ có nghĩa vụ thanh toán cho bên cung ứng dịch vụ và sử dụng dịch vụ theo thỏa thuận. Như vậy hợp đồng mua bán dịch vụ thương mại phải đảm bảo tính thương mại của hợp đồng dịch vụ - thể hiện ở chỗ hoạt động cung ứng dịch vụ thương mại là một hoạt động nhằm mục đích sinh lời, bên cung ứng thực hiện cung ứng dịch vụ là để thu lợi nhuận. Cùng với đó, bên sử dụng dịch vụ phải thanh toán tiền cung ứng dịch vụ. Thanh toán tiền dịch vụ thực chất là trả tiền cho dịch vụ được cung ứng, tức là bên thuê cung ứng đã mua dịch vụ đó.

Về nguyên tắc giao kết hợp đồng dịch vụ, nguyên tắc cơ bản của giao kết hợp đồng dịch vụ tuân theo các nguyên tắc của pháp luật dân sự về giao kết đó là: nguyên tắc tự do tự nguyện cam kết, thỏa thuận; nguyên tắc bình đẳng; nguyên tắc thiện chí, trung thực; nguyên tắc chịu trách nhiệm dân sự; nguyên tắc tôn trọng bảo vệ quyền dân sự; nguyên tắc tôn trọng lợi ích của nhà nước, lợi ích công cộng; nguyên tắc tuân thủ pháp luật. Tuy nhiên, hợp đồng dịch vụ do Luật

Thương mại điều chỉnh, nên còn phải tuân theo sáu nguyên tắc do Luật Thương mại quy định (xem bảng 4).

Về hình thức hợp đồng dịch vụ tại điều 74 Luật TMVN năm 2005 quy định:

“1. Hợp đồng dịch vụ được thể hiện bằng lời nói, bằng văn bản hoặc được xác lập bằng hành vi cụ thể.

2. Đối với các loại hợp đồng dịch vụ mà pháp luật quy định phải được lập thành văn bản thì phải tuân theo các quy định đó.”

Như vậy hình thức của hợp đồng dịch vụ là rất đa dạng linh hoạt tùy thuộc vào đối tượng của hợp đồng dịch vụ là loại dịch vụ gì mà có hình thức thích hợp. Nếu là hợp đồng bảo hiểm thì phải được lập thành văn bản (điều 14 Luật kinh doanh bảo hiểm 2000) vì, thời gian thực hiện hợp đồng dài, trong quá trình thực hiện hợp đồng có rất nhiều yếu tố khách quan cũng như chủ quan tác động đến quyền và nghĩa vụ của các bên. Tuy nhiên nếu là hợp đồng vận dịch vụ vận chuyển hành khách thì hình thức của hợp đồng có chỉ là một lời nói (điều 528 Bộ luật Dân sự 2005) thỏa thuận giữa các bên và bằng chứng của hợp đồng chính là “vé” Quy định này là hợp lý vì việc cung ứng và sử dụng dịch vụ này diễn ra rất dễ dàng thời gian nhanh và trị giá không lớn, nếu như trong trường hợp này mà quy định hợp đồng bằng văn bản thì là không cần thiết, tốn kém và chằng chịt quy định đó trên thực tế sẽ không được sử dụng.

2. Đặc điểm của hợp đồng dịch vụ theo quy định của Luật Thương mại năm 2005

TTBD ĐBDC

2.1. Về chủ thể của hợp đồng

Theo Luật Thương mại năm 2005, chủ thể của hợp đồng dịch vụ là các thương nhân. Thương nhân bao gồm tổ chức kinh tế được thành lập hợp pháp, cá nhân hoạt động thương mại một cách độc lập, thường xuyên và có đăng ký kinh doanh. Các thương nhân này có quyền hoạt động thương mại trong các ngành nghề, tại các địa bàn, dưới các hình thức mà pháp luật không cấm. Ngoài ra, hợp đồng dịch vụ còn được ký kết giữa các tổ chức, cá nhân khác có hoạt động liên quan đến thương mại.

Ở một số ngành dịch vụ để được trở thành một bên trong hợp đồng dịch vụ thì phải thỏa mãn một số điều kiện nhất định, chẳng hạn các thương nhân muốn

kinh doanh dịch vụ logistics phải thoả mãn điều kiện quy định trong nghị định 140/2007/ NĐ – CP ngày 05/09/2007 của chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về điều kiện kinh doanh dịch vụ logistics và giới hạn trách nhiệm đối với thương nhân kinh doanh dịch vụ logistics. Cụ thể nếu muốn kinh doanh dịch vụ logistics chủ yếu bao gồm: Dịch vụ bốc xếp hàng hoá, bao gồm cả hoạt động bốc xếp container; Dịch vụ kho bãi và lưu giữ hàng hóa, bao gồm cả hoạt động kinh doanh kho bãi container và kho xử lý nguyên liệu, thiết bị; Dịch vụ đại lý vận tải, bao gồm cả hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan và lập kế hoạch bốc dỡ hàng hóa; Dịch vụ hỗ trợ khác, bao gồm cả hoạt động tiếp nhận, lưu kho và quản lý thông tin liên quan đến vận chuyển và lưu kho hàng hóa trong suốt cả chuỗi lô-gi-stíc; hoạt động xử lý lại hàng hóa bị khách hàng trả lại, hàng hóa tồn kho, hàng hóa quá hạn, lỗi một và tái phân phối hàng hóa đó; hoạt động cho thuê và thuê mua container thì thương nhân phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

- Là doanh nghiệp có đăng ký kinh doanh hợp pháp theo pháp luật Việt Nam.

- Có đủ phương tiện, thiết bị, công cụ đảm bảo tiêu chuẩn an toàn, kỹ thuật và có đội ngũ nhân viên đáp ứng yêu cầu.

- Thương nhân nước ngoài kinh doanh dịch vụ lô-gi-stíc ngoài việc đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này chỉ được kinh doanh các dịch vụ lô-gi-stíc khi tuân theo những điều kiện cụ thể sau đây:

- + Trường hợp kinh doanh dịch vụ bốc dỡ hàng hoá thì chỉ được thành lập công ty liên doanh, trong đó tỷ lệ vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài không quá 50%;

- + Trường hợp kinh doanh dịch vụ kho bãi thì được thành lập công ty liên doanh, trong đó tỷ lệ góp vốn của nhà đầu tư nước ngoài không quá 51%; hạn chế này chấm dứt vào năm 2014;

- + Trường hợp kinh doanh dịch vụ đại lý vận tải thì được thành lập công ty liên doanh, trong đó tỷ lệ góp vốn của nhà đầu tư nước ngoài không quá 51%, được thành lập công ty liên doanh không hạn chế tỷ lệ vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài kể từ năm 2014;

- + Trường hợp kinh doanh dịch vụ hỗ trợ khác thì được thành lập công ty liên doanh, trong đó tỷ lệ góp vốn của nhà đầu tư nước ngoài không quá 49%; hạn chế này là 51% kể từ năm 2010 và chấm dứt hạn chế vào năm 2014.

2.2. Đối tượng của hợp đồng dịch vụ

Đối tượng của hợp đồng dịch vụ có đặc điểm nổi bật đó là một sản phẩm vô hình, không tồn tại dưới dạng vật chất, khó xác định chất lượng dịch vụ bằng những chỉ tiêu kỹ thuật được lượng hoá. Chính vì vậy, Luật Thương mại có đưa ra những quy định về nghĩa vụ của các bên trong đó đặc biệt lưu ý các bên về tính chất dịch vụ - đối tượng của hợp đồng mà các bên muốn bán hoặc muốn mua. Các bên có quyền lựa chọn đối tượng của hợp đồng dịch vụ mà mình giao kết trên cơ sở quy định của pháp luật. Luật Thương mại không có điều khoản ghi nhận trực tiếp đối tượng của hợp đồng dịch vụ vì khái niệm này đã được quy định tại điều 519 Bộ luật Dân sự 2005, theo đó, đối tượng của hợp đồng dịch vụ là công việc có thể thực hiện được, không thuộc danh mục dịch vụ cấm kinh doanh. Bên cạnh đó do tính chất đặc biệt của dịch vụ và mức độ ảnh hưởng của nó tới xã hội, Luật Thương mại 2005 cũng quy định về dịch vụ hạn chế kinh doanh, dịch vụ kinh doanh có điều kiện, dịch vụ cấm kinh doanh.

Danh mục dịch vụ kinh doanh có điều kiện, dịch vụ hạn chế kinh doanh, dịch vụ cấm kinh doanh được quy định trong nghị định số 59/ 2006/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2006 của chính phủ. Ví dụ, theo nghị định, 59 dịch vụ y tế; dịch vụ y, được cổ truyền hoặc các dịch vụ bảo hiểm là dịch vụ mà thương nhân muốn kinh doanh phải đáp ứng điều kiện nêu trong các văn bản liên quan.

2.3. Nội dung của hợp đồng dịch vụ

Nội dung của hợp đồng dịch vụ chính là toàn bộ các điều khoản mà các bên đã giao kết trên cơ sở tự nguyện, tự do ý chí, dựa trên các quy định của pháp luật. Luật Thương mại năm 2005 không quy định cụ thể các điều khoản chủ yếu trong hợp đồng dịch vụ, Luật để tự các bên tham gia đưa ra các điều khoản trong hợp đồng dịch vụ nhưng các điều khoản do hai bên thoả thuận không được trái pháp luật và điều chỉnh theo hướng quy định các quyền và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng, theo đó bên cung ứng dịch vụ có nghĩa vụ cơ bản được quy định tại các Điều từ 78 đến Điều 84, nghĩa vụ cơ bản của khách hàng được quy định tại điều 85. Nghĩa vụ của bên cung ứng dịch vụ chính là cung cấp dịch vụ. Bên cung ứng dịch vụ phải cung ứng dịch vụ và thực hiện công việc có liên quan một cách đầy đủ, phù hợp với hợp đồng, bảo quản và giao lại cho khách hàng tài liệu, và phương tiện được giao để thực hiện sau khi hoàn thành công việc; thông báo ngay cho khách hàng trong trường hợp thiếu thông tin, tài liệu không đủ, phương tiện không đảm bảo hoàn thành việc cung ứng dịch vụ; giữ bí mật về

thông tin mà mình biết được trong quá trình cung ứng dịch vụ nếu có thoả thuận hoặc pháp luật có quy định (Điều 80 Luật TMVN 2005). Do tính đặc thù của dịch vụ, Luật Thương mại 2005 đã quy định chi tiết nghĩa vụ của nhà cung cấp dịch vụ phụ thuộc vào tích chất đặc điểm của dịch vụ.

Đối với dịch vụ là công việc: Trừ trường hợp có thoả thuận khác, nếu tính chất của loại dịch vụ được cung ứng yêu cầu bên cung ứng phải đạt được một kết quả nhất định thì bên cung ứng dịch vụ phải thực hiện việc cung ứng dịch vụ với kết quả phù hợp với các điều khoản và mục đích của hợp đồng. Trong trường hợp đồng không có quy định cụ thể về tiêu chuẩn kết quả cần đạt được, bên cung ứng dịch vụ phải thực hiện việc cung ứng dịch vụ với kết quả phù hợp với tiêu chuẩn thông thường của dịch vụ đó (điều 79 Luật TMVN 2005). Quy định này muốn lưu ý người cung ứng dịch vụ về mục đích của hợp đồng, theo bên cung ứng cung cấp dịch vụ theo kết quả công việc. Bên cung ứng dịch vụ nên cân nhắc việc đưa ra cam kết cụ thể về kết quả công việc mà mình cung ứng khi mà kết quả công việc đó phụ thuộc vào nhiều yếu tố. Ví dụ, nếu bên cung ứng dịch vụ chữa bệnh cam kết sẽ chữa khỏi hoàn toàn một căn bệnh nào đó cho bệnh nhân của mình thì sẽ gặp rủi ro rất cao trong trường hợp này khi mà kết quả chữa bệnh không như cam kết.

Đối với các dịch vụ là sản phẩm hoàn chỉnh như dịch vụ viễn thông, dịch vụ bảo hiểm, dịch vụ ngân hàng... Thì việc cung ứng dịch vụ phải diễn ra đồng thời với yêu cầu sử dụng dịch vụ của khách hàng và đòi hỏi nhà cung cấp phải chuẩn bị các điều kiện cơ sở vật chất; cơ sở hạ tầng sẵn sàng, phù hợp để đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ của khách hàng theo nỗ lực và khả năng cao nhất của bên cung ứng dịch vụ. Song hành với việc cung cấp dịch vụ của bên cung ứng là vấn đề chất lượng của dịch vụ được được cung ứng, tuy nhiên vì sự phức tạp, không có tính thuần nhất của dịch vụ nên Luật Thương mại 2005 không quy định về chất lượng dịch vụ còn luật chuyên ngành thường có quy định khuyến khích các doanh nghiệp tự công bố chất lượng mà mình cung ứng cho khách hàng.

Nghĩa vụ của khách hàng. Theo quy định của Luật Thương mại 2005 thì khách hàng có nghĩa vụ sau đây:

- Nghĩa vụ hợp tác và phối hợp: Khách hàng trong quan hệ cung ứng dịch vụ có nghĩa vụ cung cấp kịp thời các kế hoạch, chỉ dẫn, và những chi tiết khác

để việc cung ứng dịch vụ được thực hiện không bị trì hoãn hay gián đoạn, thêm vào đó là nghĩa vụ hợp tác trong tất cả những vấn đề cần thiết khác để bên cung ứng có thể cung ứng dịch vụ một cách thích hợp. Nếu trong trường hợp một dịch vụ do nhiều bên cung ứng dịch vụ cùng tiến hành hoặc phối hợp với bên cung ứng dịch vụ khác, khách hàng có nghĩa vụ điều phối hoạt động của các bên cung ứng dịch vụ để không gây cản trở đến công việc của bất kỳ bên cung ứng dịch vụ nào.

- Thanh toán tiền thuê cung ứng dịch vụ: Là nghĩa vụ cơ bản của người thuê cung ứng dịch vụ. Luật TMVN 2005 đề cập tới nghĩa vụ thanh toán của khách hàng tại điều 85 và thời hạn thanh toán được quy định tại điều 87. Theo đó khách hàng có nghĩa vụ thanh toán như đã thoả thuận, thời hạn thanh toán là thời điểm việc cung ứng dịch vụ được hoàn thành nếu các bên không có thoả thuận và giữa các bên không có bất kỳ thói quen nào về thời điểm thanh toán. Quy định này lưu ý các bên là tốt nhất các bên nên quy định về thời hạn thanh toán, địa điểm thanh toán tiền cung ứng dịch vụ. Nếu khi ký kết hợp đồng, các bên không quy định rõ thì khách hàng có quyền chỉ thanh toán khi việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành. Việc thanh toán tiền thuê dịch vụ của khách hàng dựa trên giá dịch vụ được quy định trong hợp đồng. Trong trường hợp không có thoả thuận về giá dịch vụ, không có thoả thuận về phương pháp xác định giá dịch vụ và cũng không có bất kỳ chỉ dẫn nào khác về giá dịch vụ thì giá dịch vụ được xác định theo giá của dịch vụ đó trong các điều kiện tương tự về phương thức cung ứng, thời điểm cung ứng, thị trường địa lý, phương thức thanh toán và các điều kiện khác có ảnh hưởng đến giá dịch vụ. Như vậy trong quy định về giá dịch vụ, Luật Thương mại năm 2005 đã dự trù được những khả năng có thể xảy ra liên quan đến giá dịch vụ và nghĩa vụ thanh toán trong thực tế khi các bên ký kết hợp đồng dịch vụ. Điều này tạo sự thuận lợi đáng kể khi mà việc xác định giá theo hợp đồng dịch vụ gặp khó khăn trong trường hợp các bên không có thoả thuận cụ thể về giá dịch vụ.

Vận dụng các quy định trong Luật Thương mại 2005 về quyền và nghĩa vụ của các bên, cũng như xuất phát trong thực tiễn kinh doanh thì nội dung cơ bản của hợp đồng dịch vụ thường bao gồm: Đối tượng của hợp đồng, giá dịch vụ, quyền và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng dịch vụ, điều khoản về giải quyết tranh chấp, thời hạn hiệu lực của hợp đồng...

Liên quan đến điều khoản giải quyết tranh chấp, một điều cần lưu ý cho các bên tham gia hợp đồng dịch vụ là các tranh chấp về hợp đồng dịch vụ cũng giống như các tranh chấp thương mại, kinh tế khác đó là tranh chấp sẽ được giải quyết theo trình tự giải quyết tranh chấp thương mại. Luật Thương mại 2005 cho phép chủ thể trong quan hệ cung ứng dịch vụ có quyền lựa chọn luật áp dụng đồng thời coi hoạt động cung ứng dịch vụ là hoạt động thương mại. Vì vậy, tranh chấp về hợp đồng dịch vụ sẽ được giải quyết theo trình tự giải quyết tranh chấp thương mại. Tranh chấp thương mại trước hết được giải quyết thông qua thương lượng của các bên. Nếu các bên không thương lượng được thì đề nghị trọng tài hoặc toà án giải quyết tranh chấp đó. Riêng đối với tranh chấp đối với thương nhân nước ngoài, nếu các bên không có thoả thuận hoặc điều ước mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia không có quy định thì sẽ do toà án Việt Nam giải quyết. Ngoài ra Luật TMVN 2005 còn có quy định về thời hiệu khiếu nại, thời hạn tố tụng và việc thi hành bản án.

Bên cạnh đó cũng cần lưu ý rằng khi xảy ra vi phạm dẫn đến phát sinh tranh chấp giữa các bên thì trách nhiệm vật chất khi vi phạm hợp đồng cung ứng luôn luôn là vấn đề được đặt ra. Trách nhiệm vật chất khi vi phạm hợp đồng cung ứng dịch vụ được hiểu là việc áp dụng các chế tài do các bên trong hợp đồng không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ các nghĩa vụ đã cam kết trong hợp đồng. Hiện nay, chế tài về vi phạm hợp đồng dịch vụ được quy định khá cụ thể trong Luật Thương mại như phạt hợp đồng, buộc thực hiện hợp đồng, huỷ bỏ hợp đồng... Bên vi phạm có thể bị phạt không quá 8% trị giá phần nghĩa vụ bị vi phạm.

Bồi thường thiệt hại là một nội dung khó xác định trong hợp đồng cung ứng dịch vụ. Điều 302 Luật TMVN 2005 quy định về bồi thường thiệt hại “bồi thường thiệt hại là việc bên vi phạm bồi thường những tổn thất do hành vi vi phạm hợp đồng gây ra cho bên bị vi phạm”. Thông thường trong hợp đồng dịch vụ, việc xác định các hình thức chế tài rất khác nhau, tùy thuộc vào loại hình cụ thể. Đối với hợp đồng dịch vụ có đối tượng là công việc thì việc vi phạm hợp đồng có thể xác định được mức bồi thường thiệt hại, ví dụ như làm hỏng hoặc làm mất hàng hoá trong quá trình vận chuyển thì phải bồi thường theo giá trị của hàng hoá bị hỏng, bị mất (điều 77 Luật HKDD năm 2005)

Trách nhiệm bồi thường thiệt hại luôn được hình thành trên cơ sở nghĩa vụ chứng minh tổn thất của bên bị vi phạm.

Việc yêu cầu thực hiện lại hợp đồng được áp dụng đối với các dịch vụ có kết quả hoàn thành, ví dụ như báo cáo kiểm toán, báo cáo tư vấn. Chế tài buộc thực hiện hợp đồng được quy định tại điều 297 Luật TMVN 2005, theo đó bên có quyền lợi bị vi phạm yêu cầu bên vi phạm thực hiện đúng hợp đồng, thực hiện đầy đủ theo hợp đồng và bên vi phạm phải chịu phí tổn phát sinh.

Đối với chế tài huỷ hợp đồng được quy định tại điều 312 Luật TMVN 2005, các luật chuyên ngành đều quy định việc huỷ hợp đồng hay chấm dứt hợp đồng đối với bên vi phạm. Bên có quyền lợi bị vi phạm có thể tuyên bố huỷ hợp đồng nếu việc vi phạm của bên kia là điều kiện để huỷ hợp đồng mà các bên đã thoả thuận.

3. Định hướng hoàn thiện các quy định của Luật thương mại năm 2005 về hợp đồng dịch vụ

Các chế định về hợp đồng dịch vụ được quy định trong Luật Thương mại năm 2005 lần đầu tiên quy định đối với các hoạt động cung ứng dịch vụ, quy định các quyền và nghĩa vụ cơ bản của các bên trong hợp đồng dịch vụ, tạo điều kiện cho các ngành dịch vụ phát triển cũng như tạo cơ hội cho các doanh nghiệp kinh doanh một cách hiệu quả và đúng pháp luật. Bên cạnh đó, Luật Thương mại năm 2005 cũng đã quy định về cung ứng dịch vụ và về hợp đồng dịch vụ tương đối phù hợp với thông lệ quốc tế, phù hợp với các quy định của WTO, BTA và hội nhập đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP).

Để đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế mà cụ thể là hội nhập TPP thì trong hệ thống Luật Thương mại Việt Nam năm 2005 cần phải làm rõ các quy định về hợp đồng dịch vụ, tránh tình trạng sơ sài, chung chung và là sự sao chép các quy định tương ứng của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên chưa thể hiện được nội dung căn bản của hợp đồng dịch vụ như đối tượng của hợp đồng dịch vụ, phương thức cung cấp dịch vụ, các quyền và nghĩa vụ đặc thù của chủ thể trong hợp đồng dịch vụ.

- Luật Thương mại có nêu lên mối quan hệ giữa Luật Thương mại và pháp luật có liên quan (Luật chuyên ngành, Bộ luật Dân sự), tuy nhiên khi xem xét các quy định về hợp đồng dịch vụ trong các văn bản nói trên lại thể hiện sự rườm rà, chồng chéo, thiếu tính tổng quát, tính đồng bộ dẫn đến khó khăn trong việc áp dụng vào thực tiễn.

- Một số thuật ngữ dùng trong Luật TMVN năm 2005 có liên quan đến hợp đồng dịch vụ còn chung chung, mơ hồ chưa được làm rõ.
- Các văn bản hướng dẫn thực thi Luật chậm được ban hành.

Những vấn đề nêu trên sẽ phân tích cụ thể, tuy nhiên để tham gia được vào quá trình hội nhập quốc tế và TPP cần phải đi sâu và phân tích những mặt hạn chế của các quy định về hợp đồng dịch vụ, từ đó kiến nghị các giải pháp hoàn thiện các quy định về hợp đồng dịch vụ trong Luật Thương mại 2005.

